TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 118/2026/QĐST-HNGĐ	*Huế, ngày 26 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 81/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh Phan H, sinh năm 1987; nơi cư trú: TDP H, phường P, thành phố Huế.

- Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1991; nơi cư trú: TDP H, phường P, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan H và chị Nguyễn Thị P sau quá trình tìm hiểu nhau khoảng 06 tháng thì đi đến hôn nhân. Anh H và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nay là Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế) vào ngày 15/5/2017 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 07 năm thì đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế khiến vợ chồng thường xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2025 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên anh Phan H và chị Nguyễn Thị P cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về nuôi con chung: Anh Phan H và chị Nguyễn Thị P xác nhận có 03 con chung tên Phan Nguyễn Duy H1, sinh ngày 19/02/2016; Phan Nhã B, sinh ngày 07/9/2018 và Phan Quỳnh T, sinh ngày 19/5/2021.

Anh Phan H và chị Nguyễn Thị P thoả thuận giao 03 con chung là Phan Nhã B, Phan Nguyễn Duy H1 và Phan Quỳnh T cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Phan H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phan H và chị Nguyễn Thị P xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Phan H và chị Nguyễn Thị P thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành (ngày 18 tháng 3 năm 2026), không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn của anh Phan H và chị Nguyễn Thị P.

- Về nuôi con chung: Giao 03 con chung tên Phan Nguyễn Duy H1, sinh ngày 19/02/2016; Phan Nhã B, sinh ngày 07/9/2018 và Phan Quỳnh T, sinh ngày 19/5/2021 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Anh Phan H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Phan H và chị Nguyễn Thị P xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phan H và chị Nguyễn Thị P thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà anh H, chị P đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000568 ngày 04/3/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Huế, thành phố Huế.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3**.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP-Huế;
- VKSND KV2 - Huế;
- Phòng THADS KV2 - Huế;
- UBND phường P, TP-Huế;
- Đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Mai Văn Phú